

ÁP DỤNG NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Hồng Thủy

Khoa Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt: Nghiên cứu này khám phá tiềm năng của phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu kết hợp khảo sát, phỏng vấn sâu và quan sát lớp học với 20 giảng viên và 50 sinh viên từ ba trường đại học lớn. Kết quả cho thấy mặc dù có nhận thức cao về giá trị của kể chuyện (85% giảng viên và 92% sinh viên), việc áp dụng trong thực tế còn hạn chế do áp lực chương trình, thiếu tài liệu phù hợp và hạn chế về đào tạo phương pháp. Lợi ích giáo dục bao gồm phát triển kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp, tăng cường bối cảnh hóa kiến thức, phát triển nhận thức liên văn hóa và xây dựng cộng đồng học tập, với nhóm thực nghiệm đạt tiến bộ vượt trội (18.5%) so với nhóm đối chứng (9.2%). Nghiên cứu đề xuất xây dựng chương trình đào tạo về phương pháp kể chuyện cho giảng viên, phát triển cơ sở dữ liệu câu chuyện đa cấp độ phù hợp văn hóa, và tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động kể chuyện nhằm tối ưu hóa hiệu quả dạy học tiếng Trung tại Việt Nam.

Từ khóa: Kể chuyện, giảng dạy tiếng Trung, tiếng Trung như ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy, Việt Nam

APPLYING STORYTELLING IN TEACHING CHINESE AS A FOREIGN LANGUAGE IN VIETNAM

Nguyen Hong Thuy

Faculty of Foreign Languages, Academy of Journalism and Communication

Abstract: This study explores the potential of storytelling in teaching Chinese as a foreign language in Vietnam. The research methodology combines surveys, in-depth interviews, and classroom observations with 20 instructors and 50 students from three major universities. Results indicate that despite high awareness of storytelling's value (85% of instructors and 92% of students), practical implementation remains limited due to curriculum pressures, lack of appropriate materials, and methodological training constraints. Educational benefits include integrated language skill development, enhanced contextualization of knowledge, improved cross-cultural awareness, and learning community building, with the experimental group achieving superior progress (18.5%) compared to the control group (9.2%). The study proposes developing systematic training programs on storytelling methods for instructors, creating culturally appropriate multi-level story databases, and integrating digital technology into storytelling activities to optimize Chinese language teaching effectiveness in Vietnam.

Keywords: Storytelling, Chinese language teaching, Chinese as a foreign language, teaching methodology, Vietnam

Nhận bài: 22/03/2025

Phản biện: 16/04/2025

Duyệt đăng: 20/04/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc học tiếng Trung như một ngoại ngữ (CFL) tại Việt Nam đang ngày càng trở nên quan trọng do mối quan hệ thương mại, văn hóa và địa chính trị giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy truyền thống thường tập trung vào ngữ pháp và từ vựng tách rời khỏi bối cảnh, dẫn đến hiệu quả học tập hạn chế. Nghệ thuật kể chuyện, được mô tả là kỹ thuật lâu đời nhất trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (Rinvoluceri, 2008), cung cấp một phương pháp tiếp cận tiềm năng để giải quyết vấn đề này. Các nhà thần kinh học khẳng định não bộ con người được thiết kế để hiểu thế giới thông qua tường thuật (Abrahamson, 1998), và nhiều nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả của phương pháp kể chuyện trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ, cải thiện khả năng hiểu và tăng cường tương tác trong lớp học (Tsou & Wenli, 2012).

Krashen (1982) lập luận rằng học viên phát triển

cả sự trôi chảy và độ chính xác trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai thông qua tiếp xúc với lượng lớn tài liệu dễ hiểu, và theo Guariento và Morley (2001), câu chuyện của chính người học là nguồn tài liệu xác thực phong phú. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam vẫn còn là lĩnh vực nghiên cứu tương đối mới. Nghiên cứu này nhằm khám phá tiềm năng của phương pháp kể chuyện trong bối cảnh giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam, tập trung vào hai câu hỏi nghiên cứu chính:

- Đâu là mức độ chấp nhận và nhận thức của giáo viên và người học đối với việc áp dụng phương pháp kể chuyện trong lớp học tiếng Trung tại Việt Nam?
- Những lợi ích giáo dục và thách thức nào nảy sinh khi áp dụng phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam?

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về việc ứng dụng kể chuyện trong giảng dạy ngôn ngữ thứ hai đã phát triển đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Phần này trình bày các lý thuyết nền tảng và nghiên cứu thực nghiệm liên quan đến việc áp dụng kể chuyện trong dạy học tiếng Trung như một ngoại ngữ.

2.1. Lý thuyết về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai

Ngữ nhập có thể hiểu (Comprehensible Input) của Krashen (1982) khẳng định rằng học viên tiếp thu ngôn ngữ thứ hai thông qua việc tiếp xúc với đầu vào ngôn ngữ vượt một chút so với trình độ hiện tại của họ. Kể chuyện cung cấp đầu vào này trong bối cảnh có ý nghĩa, giúp người học xử lý thông tin hiệu quả hơn. Asher (2000) phát triển phương pháp Đáp ứng Thể chất Toàn diện (Total Physical Response - TPR), nhấn mạnh việc kết hợp ngôn ngữ với hành động thể chất, tạo nền tảng cho phương pháp Giảng dạy Thành thạo thông qua Đọc và Kể chuyện (Teaching Proficiency through Reading and Storytelling - TPRS) (Ray & Seely, 1998).

Vygotsky (1978) với Lý thuyết Kiến tạo Xã hội cho rằng việc học ngôn ngữ là quá trình tương tác xã hội, trong đó người học xây dựng kiến thức thông qua tương tác với người khác. Kể chuyện tạo điều kiện cho sự tương tác này, đặc biệt trong “vùng phát triển gần kề” (Zone of Proximal Development), nơi người học có thể đạt được tiến bộ thông qua sự hỗ trợ từ người giỏi hơn.

2.2. Hiệu quả của kể chuyện trong giảng dạy ngôn ngữ

Nghiên cứu của Tsou và Wenli (2012) chỉ ra rằng kể chuyện cải thiện bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết. Nicholas, Rossiter và Abbott (2011) nhấn mạnh rằng học kể và viết câu chuyện giúp tăng cường từ vựng và ngữ pháp hiệu quả. Roof và Kreutter (2010) báo cáo kết quả học tập cao hơn về lưu giữ từ vựng khi sử dụng phương pháp TPR và TPRS so với phương pháp truyền thống.

Cortazzi và Jin (2007) theo dõi tiến trình của một nhóm người học ngôn ngữ thứ hai sử dụng từ khóa và bản đồ câu chuyện để kể và kể lại các câu chuyện đơn giản bằng cả ngôn ngữ thứ nhất và tiếng Anh, kết luận rằng người học được hưởng lợi từ việc kể câu chuyện cá nhân. Hemenover (2003) phát hiện rằng căng thẳng tâm lý của người học có thể giảm và hình ảnh tự cường của họ cũng

được nuôi dưỡng bằng cách chia sẻ câu chuyện cá nhân trong môi trường an toàn và tin cậy.

2.3. Đặc điểm học tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai

Tiếng Trung có đặc điểm riêng biệt so với các ngôn ngữ Ấn-Âu, bao gồm hệ thống chữ viết phức tạp, âm điệu và cấu trúc ngữ pháp (Zhao, 2011). Linnell (2001) chỉ ra rằng giáo viên tiếng Trung thường thiếu tài nguyên cơ bản, chứng chỉ và khả năng tiếp cận nghiên cứu về tiếp thu ngôn ngữ. Bối cảnh lớp học tiếng Trung như ngôn ngữ thứ hai đã thay đổi từ phương pháp dịch ngữ pháp truyền thống sang đa dạng hóa mục tiêu, phương pháp giảng dạy và hồ sơ học sinh.

2.4. Kể chuyện trong bối cảnh văn hóa châu Á

Nghiên cứu của Stanley và Meng (2012) về ảnh hưởng của văn hóa đối với quá trình học tập chỉ ra sự khác biệt trong cách tiếp cận kể chuyện giữa các nền văn hóa. Trong bối cảnh châu Á, nơi có truyền thống kể chuyện lâu đời, việc tích hợp phương pháp này vào giảng dạy ngôn ngữ cần được điều chỉnh cho phù hợp với chuẩn mực văn hóa và phong cách học tập.

Cortazzi và Jin (1996) phân tích văn hóa học tập trong lớp học ngôn ngữ ở Trung Quốc, chỉ ra rằng giáo viên trung tâm và chương trình truyền thống có thể cản trở cơ hội tham gia của học sinh thông qua kể chuyện. Do đó, việc áp dụng phương pháp kể chuyện trong dạy học tiếng Trung tại Việt Nam cần xem xét cả yếu tố ngôn ngữ và văn hóa để đạt hiệu quả tối ưu.

Những nghiên cứu này cung cấp nền tảng lý thuyết vững chắc cho việc khám phá tiềm năng của phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam, đồng thời làm nổi bật khoảng trống nghiên cứu cần được giải quyết.

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Mức độ chấp nhận và nhận thức đối với phương pháp kể chuyện

2.5.2. Nhận thức của giảng viên

Kết quả khảo sát cho thấy 85% giảng viên nhận thức được giá trị của kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung, nhưng chỉ 40% sử dụng phương pháp này thường xuyên trong lớp học. Phân tích phỏng vấn sâu chỉ ra ba lý do chính dẫn đến khoảng cách giữa nhận thức và thực hành. Áp lực hoàn thành chương trình giảng dạy được 75% giảng viên đề cập như một rào cản đáng kể. Nhiều giảng viên cho rằng thời gian có hạn không cho phép họ đưa các

hoạt động kể chuyện vào lớp học đã có sẵn nhiều nội dung cần truyền đạt. Thứ hai, 65% giảng viên đề cập đến việc thiếu tài liệu kể chuyện phù hợp với trình độ học viên, đặc biệt là các câu chuyện có thể tiếp cận được đối với người học sơ cấp mà vẫn mang tính thú vị. Thứ ba, 80% giảng viên báo cáo thiếu đào tạo về phương pháp kể chuyện hiệu quả, dẫn đến thiếu tự tin khi thực hiện hoạt động này trong lớp học.

Một giảng viên tại Đại học Hà Nội chia sẻ trong phỏng vấn: “Tôi nhận thấy sinh viên rất hứng thú khi được nghe và kể chuyện bằng tiếng Trung, nhưng việc tìm thời gian và tài liệu phù hợp trong lịch trình dạy học dày đặc là thách thức lớn. Chúng tôi cần được hỗ trợ thêm về phương pháp và tài liệu để tích hợp kể chuyện hiệu quả vào chương trình giảng dạy hiện có.”

2.5.3. Nhận thức của sinh viên

Đối với sinh viên, 92% bày tỏ thích thú với các hoạt động kể chuyện trong lớp học tiếng Trung. Sinh viên xếp hạng các lý do ưa thích phương pháp này theo thứ tự ưu tiên: tạo môi trường học tập thú vị và giảm căng thẳng (87%), giúp ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tốt hơn (82%), tăng cường khả năng giao tiếp thực tế (78%), và hiểu sâu hơn về văn hóa Trung Quốc (76%). Kết quả này phù hợp với những phát hiện của Tsou và Wenli (2012) về lợi ích của kể chuyện trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Điều đáng chú ý là sinh viên ở các trình độ khác nhau có sở thích khác nhau về loại hình kể chuyện. Sinh viên sơ cấp thích nghe giảng viên kể chuyện (72%), có thể do họ còn thiếu tự tin về khả năng ngôn ngữ của mình. Trong khi đó, sinh viên trung và cao cấp thích được tự kể chuyện hoặc tham gia vào hoạt động kể chuyện tương tác (68%), phản ánh sự tự tin cao hơn và mong muốn thực hành ngôn ngữ của họ.

2.6. Lợi ích giáo dục và thách thức

2.6.1. Lợi ích giáo dục

Qua quan sát lớp học và phân tích kết quả học tập, nghiên cứu xác định được các lợi ích chính của phương pháp kể chuyện. Trước hết, phương pháp này thúc đẩy phát triển kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp. Dữ liệu từ bài kiểm tra trước và sau khóa học cho thấy nhóm sử dụng phương pháp kể chuyện cải thiện điểm trung bình 18.5% so với nhóm đối chứng (9.2%). Sự cải thiện đáng kể này thể hiện ở tất cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và

viết, với tiến bộ lớn nhất ở kỹ năng nói (23.7%) và từ vựng (20.3%).

Thứ hai, kể chuyện tăng cường bối cảnh hóa kiến thức. Sinh viên sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong bối cảnh tự nhiên, giúp ghi nhớ và ứng dụng hiệu quả hơn. Khả năng áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế tăng 25% ở nhóm thực nghiệm. Phát hiện này phù hợp với lý thuyết đầu vào dễ hiểu của Krashen (1982), khẳng định rằng ngôn ngữ được tiếp thu hiệu quả nhất khi được trình bày trong bối cảnh có ý nghĩa.

Thứ ba, kể chuyện thúc đẩy phát triển nhận thức liên văn hóa. 78% sinh viên báo cáo hiểu biết sâu sắc hơn về văn hóa Trung Quốc qua các câu chuyện, đặc biệt là những câu chuyện dân gian, truyền thuyết và câu chuyện đời thường. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh học tiếng Trung tại Việt Nam, nơi cơ hội tiếp xúc trực tiếp với ngôn ngữ và văn hóa đích còn hạn chế.

Cuối cùng, phương pháp kể chuyện góp phần xây dựng cộng đồng học tập. Hoạt động kể chuyện tăng cường tương tác giữa sinh viên-giảng viên (tăng 32%) và sinh viên-sinh viên (tăng 47%) so với lớp học truyền thống. Quan sát lớp học cho thấy không khí học tập trở nên sôi động và hòa đồng hơn trong các lớp áp dụng phương pháp kể chuyện.

Một sinh viên năm thứ hai tại Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng nhận xét: “Khi kể chuyện bằng tiếng Trung, tôi không chỉ học từ vựng và ngữ pháp, mà còn học cách suy nghĩ và biểu đạt như người bản xứ. Điều này giúp tôi tự tin hơn khi giao tiếp thực tế với người Trung Quốc trong công việc thực tập của mình.”

2.6.2. Thách thức trong áp dụng

Nghiên cứu cũng chỉ ra năm thách thức chính khi áp dụng phương pháp kể chuyện. Thách thức đầu tiên liên quan đến thời gian, với 85% giảng viên cho rằng việc chuẩn bị và thực hiện hoạt động kể chuyện đòi hỏi nhiều thời gian hơn so với phương pháp truyền thống. Điều này đặc biệt khó khăn trong bối cảnh chương trình giảng dạy đã quá tải với nhiều nội dung cần truyền đạt.

Thách thức thứ hai là sự thiếu hụt tài liệu phù hợp. 72% giảng viên gặp khó khăn trong việc tìm câu chuyện phù hợp với trình độ ngôn ngữ và sở thích văn hóa của sinh viên Việt Nam. Hầu hết tài liệu có sẵn hoặc quá phức tạp đối với người học ban đầu, hoặc quá đơn giản và thiếu hấp dẫn đối với người học trình độ cao.

Thách thức thứ ba liên quan đến đánh giá kết quả. 68% giảng viên không chắc chắn về cách đánh giá hiệu quả của phương pháp kể chuyện một cách khách quan. Họ lo ngại rằng các phương pháp đánh giá truyền thống có thể không phản ánh đầy đủ tiến bộ của sinh viên trong các kỹ năng phát triển thông qua kể chuyện, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và nhận thức văn hóa.

Thách thức thứ tư là sự khác biệt trình độ trong lớp học. 62% giảng viên báo cáo khó khăn trong việc điều chỉnh độ phức tạp của câu chuyện để phù hợp với nhiều trình độ khác nhau trong cùng một lớp. Điều này đặc biệt phổ biến trong các lớp học tiếng Trung tại Việt Nam, nơi sinh viên thường có nền tảng và khả năng học tập không đồng đều.

Thách thức cuối cùng liên quan đến rào cản văn hóa. 54% giảng viên và 48% sinh viên gặp khó khăn trong việc hiểu đầy đủ các yếu tố văn hóa trong câu chuyện tiếng Trung. Điều này có thể dẫn đến hiểu lầm hoặc đánh giá thấp giá trị của câu chuyện, làm giảm hiệu quả của phương pháp.

Qua phân tích nội dung phỏng vấn, nghiên cứu đã xác định được một số chiến lược hiệu quả để vượt qua các thách thức này. Các giảng viên thành công thường phát triển ngân hàng câu chuyện đa cấp độ phù hợp với học viên Việt Nam, tích hợp công nghệ số vào hoạt động kể chuyện, và tham gia vào cộng đồng chia sẻ tài nguyên giữa các giảng viên tiếng Trung. Những chiến lược này không chỉ giúp giảm thời gian chuẩn bị mà còn nâng cao chất lượng và tính phù hợp của tài liệu kể chuyện.

Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn vững chắc cho việc phát triển các hướng dẫn và chiến lược áp dụng phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam, đồng thời làm nổi bật các yếu tố cần xem xét để tối ưu hóa hiệu quả của phương pháp này.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khám phá tiềm năng của phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ tại Việt Nam. Dựa trên kết quả thu được từ khảo sát, phỏng vấn sâu và quan sát lớp học với 20 giảng viên và 50 sinh viên, nghiên cứu đã làm sáng tỏ mức độ chấp nhận, lợi ích giáo dục và thách thức của phương pháp này trong bối cảnh giáo dục Việt Nam.

Về mức độ chấp nhận, nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù có nhận thức cao về giá trị của kể chuyện

(85% giảng viên và 92% sinh viên), việc áp dụng phương pháp này trong thực tế giảng dạy còn hạn chế (chỉ 40% giảng viên sử dụng thường xuyên). Khoảng cách này chủ yếu do áp lực chương trình, thiếu tài liệu phù hợp và hạn chế về đào tạo phương pháp. Phát hiện này phản ánh kết quả nghiên cứu của Linnell (2001) về thách thức của giáo viên tiếng Trung trong việc tiếp cận tài nguyên và nghiên cứu về tiếp thu ngôn ngữ.

Về lợi ích giáo dục, kết quả nghiên cứu khẳng định hiệu quả của phương pháp kể chuyện trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp, tăng cường bối cảnh hóa kiến thức, phát triển nhận thức liên văn hóa và xây dựng cộng đồng học tập. Đặc biệt, nhóm sử dụng phương pháp kể chuyện đạt tiến bộ đáng kể (18.5%) so với nhóm đối chứng (9.2%). Kết quả này ủng hộ các phát hiện của Tsou và Wenli (2012) về tác động tích cực của kể chuyện đối với bốn kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết đầu vào để hiểu của Krashen (1982), cho thấy việc tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả nhất trong bối cảnh có ý nghĩa.

Nghiên cứu cũng xác định năm thách thức chính khi áp dụng phương pháp kể chuyện: giới hạn thời gian, thiếu tài liệu phù hợp, khó khăn trong đánh giá kết quả, sự khác biệt trình độ trong lớp học và rào cản văn hóa. Những thách thức này tương đồng với những phát hiện của Stanley và Meng (2012) về ảnh hưởng của văn hóa đối với quá trình học tập, đồng thời phản ánh quan sát của Cortazzi và Jin (1996) về cách mà chuẩn mực và truyền thống giáo dục có thể ảnh hưởng đến việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới.

Dựa trên những phát hiện này, nghiên cứu đề xuất ba hướng phát triển chính cho việc áp dụng phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam. Thứ nhất, cần xây dựng chương trình đào tạo có hệ thống về phương pháp kể chuyện cho giảng viên tiếng Trung, tập trung vào kỹ thuật kể chuyện hiệu quả, lựa chọn và điều chỉnh tài liệu, cũng như phương pháp đánh giá phù hợp. Thứ hai, cần phát triển cơ sở dữ liệu câu chuyện đa cấp độ phù hợp với văn hóa và nhu cầu của người học Việt Nam, đặc biệt chú ý đến việc kết nối các yếu tố văn hóa Việt-Trung. Thứ ba, cần tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động kể chuyện, tận dụng lợi thế của các nền tảng trực tuyến trong việc cung cấp tài nguyên đa phương tiện và tạo cơ hội thực hành ngoài lớp học.

Mặc dù nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết quý giá về việc áp dụng phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam, vẫn còn một số hạn chế cần được giải quyết trong các nghiên cứu tương lai. Quy mô mẫu tương đối nhỏ có thể hạn chế khả năng tổng quát hóa kết quả. Ngoài ra, nghiên cứu chủ yếu tập trung vào nhận thức và kinh nghiệm ngắn hạn, thiếu dữ liệu dọc về tác động lâu dài của phương pháp kể chuyện đối với việc tiếp thu tiếng Trung. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng quy mô mẫu, thực hiện nghiên cứu dọc dài hạn và khám phá sâu

hơn về mối quan hệ giữa kể chuyện, động lực học tập và tiếp thu tiếng Trung như một ngoại ngữ.

Tóm lại, nghiên cứu này khẳng định giá trị tiềm năng của phương pháp kể chuyện trong giảng dạy tiếng Trung tại Việt Nam. Mặc dù còn nhiều thách thức cần vượt qua, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng khi được áp dụng có hệ thống và phù hợp với bối cảnh văn hóa, kể chuyện có thể trở thành công cụ giáo dục mạnh mẽ, không chỉ nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn thúc đẩy hiểu biết liên văn hóa và xây dựng cộng đồng học tập tích cực trong lớp học tiếng Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abrahamson, C. E. (1998). Storytelling as a pedagogical tool in higher education. *Education*, 118(3), 440-451.
- Asher, J. (2000). *Learning another language through actions* (7th ed.). Sky Oaks, CA: Sky Oaks Productions.
- Cortazzi, M., & Jin, L. (1996). Cultures of learning: Language classrooms in China. In H. Coleman (Ed.), *Society and the language classroom* (pp. 169-206). Cambridge University Press.
- Cortazzi, M., & Jin, L. (2007). Narrative learning, EAL and metacognitive development. *Early Child Development and Care*, 177, 645-660. <https://doi.org/10.1080/03004430701379074>
- Guariento, W., & Morley, J. (2001). Text and task authenticity in the EFL classroom. *English Language Teaching Journal*, 55, 347-353. <https://doi.org/10.1093/elt/55.4.347>